TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23/12/2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Minh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Dung.

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ny N, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm: 1991 Địa chỉ: Thôn 6, xã Tiên T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2020 và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ny N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng T tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2015. Cuộc sống chung giữa chị và anh T không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, anh T không có việc làm ổn định, thường hay rượu chè, ăn chơi, cờ bạc, luôn chưởi bới, gây gỗ đánh đập vợ con, anh còn xúc phạm, nhục mạ bản thân chị và gia đình cha mẹ chị. Hiện nay,

chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 10/7/2016. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu B đến khi đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản, nợ chung khi ly hôn: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày: anh thống nhất lời khai của chị N về quan hệ hôn nhân, về con chung. Trong cuộc sống vợ chồng do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau nên xảy ra mâu thuẫn nhưng anh xét thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nguyện vọng anh xin được đoàn tụ gia đình nhưng chị N cương quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Về con chung có 1 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2016, sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ny N và anh Nguyễn Trọng T. Về con chung, giao cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 10/7/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Chị N, anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt anh T theo khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ny N và anh Nguyễn Trọng T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2015. Việc kết hôn giữa chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua các lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Cuộc sống chung giữa chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị N cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu

Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T và anh T đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị N

Xét thấy, hiện nay chị N, anh T tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị N xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn với chị N nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T

[3] Về con chung: Chị N và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 10/7/2016, sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu B đến khi đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị N là hoàn toàn chính đáng. Tại phiên tòa chị N trình bày: Chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B từ nhỏ, cho cháu đi học mẫu giáo nhưng hơn bốn tháng qua anh T đem con về giao cho mẹ anh T (bà nội cháu B) nuôi, không cho con đi học mẫu giáo, ba anh T thường xuyên đi làm ăn xa nhà, anh trai thì bị bệnh, mẹ anh T đã lớn tuổi, lại làm nông nên việc chăm sóc cháu không được chu đáo. Mặt khác, anh T không lo làm ăn mà vẫn uống rượu, chơi cờ bạc, không quan tâm đến con. Vì vậy, việc giao cháu B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, đúng quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Chị N cho rằng mình đủ điều kiện nuôi con, chị làm công nhân thu nhập trung bình 6.500.000đ/tháng và không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi con chung cháu Nguyễn Gia B đối với anh Nguyễn Trọng T, như phân tích trên việc giao cháu B cho anh T nuôi không phù hợp với thực tế, không đảm bảo sự phát triển của cháu B nên không chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ny N đối với anh Nguyễn Trọng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ny N và anh Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 10/7/2016 cho chị Nguyễn Thị Ny N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 10/7/2016 đối với anh Nguyễn Trọng T.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ny N phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0004754 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị N đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Ny N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Trọng T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trình Minh Hùng